

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-7-2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Ông **Lữ Quốc Toàn**

Ông **Bùi Văn Dũng**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Hương** - Thư ký tòa án nhân dân huyện XL.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XL** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** - Kiểm sát viên

Vào ngày 05/7/2019, tại Tòa án nhân dân huyện XL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2018/TLST- HNGĐ ngày 04/9/2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/ 2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2018/QĐST - HNGĐ ngày 15/6/2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện XL, tỉnh ĐN

- *Bị đơn:* Anh **Lê Hồng P**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp C, xã C, huyện XL, tỉnh ĐN.

(Chị T, anh P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, chị và anh Lê Hồng P chung sống với nhau năm 2010 đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện XL, tỉnh ĐN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không thể chia sẻ với nhau, ngoài ra anh P thường xuyên vắng mặt ở nhà, không chia sẻ công việc nhà

cũng như tiền bạc trong gia đình với chị. Chị và anh P ly thân từ năm 2015 đến nay, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay tình cảm không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Lê Yến N, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Lê Thảo A, sinh ngày 20/11/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Hồng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P vẫn vắng mặt, do đó không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XL phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện XL xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai của Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Thẩm yêu cầu ly hôn với anh P, xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng nên đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P. Về con chung: Cháu Lê Yến N, sinh ngày 06/02/2011 có nguyện vọng được sống với chị T. Cháu Lê Thảo A hiện còn nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do đó giao 02 con chung là cháu Nhi và cháu An cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, do đó tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P là phù hợp. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Nợ chung: Không có, nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Hồng P, do đó xác định chị T là nguyên đơn, anh P là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt. anh Lê Hồng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Nên xét xử vắng mặt chị T và anh P tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Lê Hồng P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T nhận thấy: Chị T trình bày quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không thể chia sẻ với nhau, ngoài ra anh P thường xuyên vắng mặt ở nhà, không chia sẻ công việc nhà cũng như tiền bạc trong gia đình với chị. Chị và anh P ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân của anh chị đã lâu, bản thân anh chị đã tự hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả, Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh P nhiều lần để làm việc và hòa giải cho anh chị nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp.

[4] Về con chung: Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Yến N, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Lê Thảo A, sinh ngày 20/11/2015. Xét thấy, hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị, chị là giáo viên có thu nhập ổn định, hơn nữa cháu Lê Yến N có nguyện vọng được sống với mẹ. Cháu Lê Thảo A hiện nay còn nhỏ nên rất cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do vậy, giao cháu Lê Yến N và cháu Lê Thảo A cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị T không yêu cầu anh Lê Hồng P cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P vắng mặt, nên không có lời khai cũng như yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Do vậy không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét nhận định của Kiểm sát viên: phù hợp, nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật Hôn nhân gia đình 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

-Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Lê Hồng P

- Về con chung: Giao cháu Lê Yến N, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Lê Thảo A, sinh ngày 20/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Hồng P.

Anh Lê Hồng P được quyền thăm non, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, anh Lê Hồng P và chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 003308 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XL.

Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Lê Hồng P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh ĐN;
- VKSND Tỉnh ĐN;
- VKSND Huyện XL;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly

